TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày: 24 – 03 – 2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thuý Liễu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2024/TLST - DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST - DS ngày 18/02/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 21/2025/QĐST – DS ngày 07/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1977

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thanh B**, sinh năm 1968

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1/ Ông **Trương Văn B1**, sinh năm 1962

2/ Bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1955

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn ông Trần Thanh T có ông Trần Thanh B đại diện trình bày:

Nguyên vào năm 2022 và năm 2023, ông Trương Văn B1, bà Trần Thị T1

có đến gặp ông Trần Thanh T để hỏi mượn 160.000.000đồng, không lãi suất, không thoả thuận ngày trả, việc vay tiền có làm biên nhận cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 27/7/2022 mượn 80.000.000đồng

+ Lần 2: Ngày 09/12/2022 mượn 50.000.000đồng

+ Lần 3: Ngày 24/7/2023 mượn 30.000.000đồng

Vợ chồng ông B1, bà T1 hẹn tới vụ thu hoạch lúa sẽ trả tiền ông T. Tuy nhiên thời gian thu hoạch lúa đã qua rất nhiều vụ vợ chồng ông B1, bà T1 vẫn không thực hiện việc trả nợ, ông T đã rất nhiều lần đến nhà đòi tiền vợ chồng ông B1, bà T1 cứ hẹn lần hẹn lượt hứa sẽ trả tiền nhưng đến nay vẫn không trả tiền cho ông T.

Nay ông Trần Thanh T có ông Trần Thanh B làm đại diện yêu cầu ông Trương Văn B1, bà Trần Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 160.000.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trương Văn B1, bà Trần Thị T1: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn tiếp tục vắng mặt mà không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Trương Văn B1 ngày 18/02/2025, ông B1 thừa nhận có nợ số tiền 160.000.000đồng và đến nay chưa trả theo lời trình bày của nguyên đơn.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:*

Tòa án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

Những người tham gia tố tụng như: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự (vắng mặt không tham gia phiên tòa).

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014; Luật người cao tuổi năm 2019; Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Thanh T.

Buộc ông Trương Văn B1, bà Trần Thị T1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Thanh T số tiền là 160.000.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trương Thanh B2, bà Trần Thị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự và thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục và thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục và thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy có các tài liệu, chứng cứ do Toà án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên toà sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền là 160.000.000đồng do hai bên có làm biên nhận nên Toà án xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trương Văn B1, bà Trần Thị T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B1, bà T1.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ:

Ông Trương Văn B1, bà Trần Thị T1 có mượn của ông Trần Thanh T số tiền 160.000.000đồng thể hiện qua các biên nhận ngày 27/7/2022, ngày 09/12/2022 và ngày 24/7/2023. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, ông B1 thừa nhận có mượn tiền của ông T là 160.000.000đồng như lời trình bày của ông T và đến nay ông vẫn chưa trả tiền cho ông T. Hai bên đều thừa nhận và ông B1 thừa nhận là có ký tên trong các biên nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bà Trần Thị T1: Theo lời trình bày của ông B1 thì bà T1 vẫn biết việc ông B1 hỏi mượn tiền của ông T và trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ cho bà T1 nhưng bà T1 không có đưa ra ý kiến phản bác yêu cầu của ông T nên buộc bà T1 liên đới cùng ông B1 trả tiền cho ông T là có căn cứ theo quy định theo quy định tại Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014.

[2.1]. Buộc ông Trương Văn B1, bà Trần Thị T1 trả cho ông Trần Thanh T số tiền 160.000.000đồng.

[2.2]. Về án phí:

- Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên buộc ông Trương Văn B1, bà Trần Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000đồng. Do ông B1, bà T1 là người cao tuổi nên được miễn.

H lại cho ông Trần Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đồng theo biên lai thu số No 0014600 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014; Luật người cao tuổi năm 2019; Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T.

Buộc ông Trương Văn B1, bà Trần Thị T1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Thanh T số tiền là 160.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm ông B1, bà T1 là người cao tuổi.

- H lại cho ông Trần Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đồng theo biên lai thu số No 0014600 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, báo cho đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Hồng Chi